

Bản án số: 135/2022/HC-PT

Ngày: 18-5-2022

V/v “*Khiếu kiện buộc yêu cầu thực hiện hành vi hành chính và yêu cầu hủy một phần quyết định hành chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tụ

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 30/2022/TLPT-HC ngày 24 tháng 02 năm 2022 về: “*Khiếu kiện buộc yêu cầu thực hiện hành vi hành chính và yêu cầu hủy một phần quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2021/HC-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trương Đình C; địa chỉ: 48 Đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Thế P1; địa chỉ: 11 Lô C1 KP 2, phường T, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 31/3/2022)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Toàn Th – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng H – Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố P.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Cao Thị Tr; địa chỉ: 48 Đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Thế P1; địa chỉ: 11 Lô C1 KP 2, phường T, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 31/3/2022)

Người kháng cáo: Ông Trương Đình C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người khởi kiện ông Trương Đình C trình bày:

Gia đình ông là chủ sở hữu căn nhà 11B Đường L-thành phố P-Gia Lai thuộc diện di dời trong dự án giải phóng mặt bằng mở rộng công viên Đường L theo Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 03/09/2009 của UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Do quá trình thu hồi UBND thành phố P đã có thiếu sót trong việc giải quyết hỗ trợ, bồi thường thiệt hại nên gia đình ông phải khiếu nại, sau đó phải khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Ngày 24/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của gia đình ông bằng Bản án số 03/2018/HC-PT. Theo đó, bản án có quyết định về việc hủy một phần Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của chủ tịch UBND thành phố P tại điểm 1.3 phần 1 bảng tổng hợp điều chỉnh, mục IV điều 1 của Quyết định số 680/QĐ-UBND và hủy công văn số 1032/UBND-Th ngày 16/9/2011 về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân của UBND thành phố P.

Căn cứ theo bản án nêu trên, ngày 15/6/2018 ông có nộp Đơn yêu cầu UBND TP P thực hiện việc chi trả tiền bồi thường lần 2 và tính toán bồi thường bổ sung đối với diện tích đất của căn nhà 11B Đường L, thành phố P.

Do chờ đợi quá lâu nhưng UBND thành phố P không giải quyết đơn, nên ngày 03/10/2018 tôi có đơn khiếu nại, yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố P phải giải quyết nội dung theo đơn yêu cầu của tôi ngày 25/6/2018.

Ngày 03/5/2019 UBND Tp.P ban hành Quyết định số 546/QĐ-UBND v/v hủy bỏ một phần Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của chủ tịch UBND thành phố P.

Nội dung của Quyết định số 546/QĐ-UBND là như sau:

Hủy một phần Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của chủ tịch UBND thành phố P.

Hủy công văn số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân của UBND thành phố P.

Sau khi ban hành Quyết định số 546/QĐ-UBND thì UBND thành phố P không thực hiện chi trả tiền số tiền bồi thường: 87.339.640 đồng và tính toán bồi thường bổ sung phần diện tích đất 8.771m² cho gia đình ông.

Ngày 31/8/2020 ông có đơn khởi kiện về việc UBND thành phố P không thực hiện chi trả số tiền bồi thường hỗ trợ lần 2 và không thực hiện

tính toán bồi thường bổ sung phần diện tích 8.771m² diện tích trước sân căn nhà 11B Đường L, P, Gia Lai.

Ngày 4/9/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai có văn bản số 102/2020/TB-TA thông báo trả lại đơn khởi kiện ngày 31/8/2020 với lý do hiện chưa có quyết định hành chính nào của UBND thành phố P ban hành để thay thế Quyết định 680 đã bị hủy bỏ.

Ngày 09/9/2020 ông có đơn yêu cầu UBND thành phố P thực hiện hành vi ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường căn nhà số 11 Đường L thay thế Quyết định 680/QĐ-UBND ngày 1/4/2011 đã bị hủy bỏ 01 phần và thực hiện chi trả tiền bồi thường bổ sung lần 2

Đơn khiếu nại của ông đã được văn phòng UBND thành phố P tiếp nhận nhưng đến nay cơ quan giải quyết khiếu nại là UBND Tp P không thực hiện hành vi ban hành quyết định mới thay thế Quyết định 680/QĐ-UBND ngày 1/4/2011 đã bị hủy bỏ tại điểm 1.3 phần 1 bảng tổng hợp điều chỉnh mục IV của điều 1

Việc UBND thành phố P ban hành Quyết định 546/QĐ-UBND từ ngày 3/5/2019 nhưng đến nay vẫn không ban hành quyết định mới thay thế Quyết định 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 đã bị hủy bỏ một phần, không thực hiện chi trả tiền bồi thường lần 2 cho gia đình ông là vi phạm pháp luật và đã gây thiệt hại lớn về vật chất cũng như tinh thần ông.

Ngày 10/11/2020, ông khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án:

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi ban hành quyết định mới về việc phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường căn nhà 11B Đường L thay thế Quyết định 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 đã bị hủy bỏ 1 phần theo Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lần 2 căn nhà 11B Đường L.

Ngày 09/6/2021, ông nhận được Quyết định 1106/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND thành phố P v/v phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Trương Đình C, địa chỉ: 48 Đường N thuộc dự án Mở rộng công viên Đường L. Tuy nhiên quyết định nêu trên không giải quyết toàn diện chi bồi thường cho gia đình ông 82.339.640 đồng.

Ngày 13/7/2021 ông làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án:

Hủy bỏ 1 phần Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND thành phố P v/v phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Trương Đình C, địa chỉ: 48 Đường N thuộc dự án Mở rộng công viên Đường L.

Buộc UBND thành phố P giải quyết bồi thường bổ sung diện tích đất 8,771m² phần trước sân theo đúng diện tích đất thực tế của căn nhà 11B Đường L.

Buộc UBND thành phố P chi trả 5 triệu đồng tiền di dời bàn giao mặt bằng đúng tiến độ.

2. Theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, người bị kiện là Ủy ban

nhân dân thành phố P, trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi ban hành quyết định mới về việc phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường căn nhà 11B Đường L thay thế Quyết định 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 đã bị hủy bỏ 1 phần theo Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và buộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện hành vi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lần 2 căn nhà 11B Đường L thì UBND thành phố P đã thực hiện hành vi hành chính là ban hành Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 và đã chi trả tiền bồi thường cho ông C.

** Về việc nội dung ông Trương Đình C yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND thành phố:*

Ngày 24/5/2018 Tòa án tỉnh Gia Lai ban hành Bản án số 03/2018/HC-PT về việc khiếu nại hành chính về quản lý đất đai. Tại nội dung bản án thì Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu hủy một phần Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố P tại điểm 1.3 phần 1 Bảng tổng hợp điều chỉnh mục IV của Điều 1 của Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 vì hình thức và thẩm quyền ban hành Quyết định số 680/QĐ-UBND là không đúng quy định. Theo nội dung Bản án số 03/2018/HC-PT ngày 24/5/2018 thì Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không xem xét nội dung của Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011.

Thực hiện Bản án số 03/2018/HC-PT ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thì ngày 3/5/2019 UBND thành phố ban hành Quyết định số 546/QĐ-UBND về việc hủy một phần Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố P tại điểm 1.3 phần 1 Bảng tổng hợp điều chỉnh mục IV của Điều 1 của Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011.

Ngày 07/6/2021 UBND thành phố ban hành Quyết định số 1106/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trương Đình C theo đúng nội dung yêu cầu của Bản án số 03/2018/HC-PT ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Ngày 25/6/2021 Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã tiến hành chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ lần 2 (82.339.640 đồng) cho hộ ông Trương Đình C.

Nay hộ ông Trương Đình C yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND thành phố là không có cơ sở.

** Về nội dung hộ ông C đề nghị tính toán bồi thường, bổ sung phần diện tích trước sân nhà 11B Đường L với diện tích 8,7m².*

Thực hiện Công văn số 1897/UBND-CN ngày 02/7/2009 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện quy hoạch công viên Đường L.

Ngày 03/9/2009 UBND thành phố ban hành Quyết định số 1704/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để triển khai dự án

Mở rộng Công viên Đường L, phường T1, thành phố P, trong đó có hộ ông Trương Đình C với diện tích 176,5m². Tại thời điểm ban hành quyết định này thì các hộ gia đình trong vùng dự án chưa thống nhất chủ trương của dự án và chưa cung cấp hồ sơ pháp lý về đất đai nên không thể tiến hành đo đạc thực tế vì vậy số liệu theo Quyết định dựa vào bản đồ cũ trước đây.

Sau nhiều lần vận động các hộ thống nhất chủ trương thực hiện dự án thì ngày 09/4/2010 Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với các phòng ban liên quan và chính quyền địa phương tiến hành đo đạc, kiểm tra kiểm kê thực tế diện tích đất và tài sản trên đất bị thu hồi đối với hộ gia đình ông Trương Đình C để triển khai dự án mở rộng Công viên Đường L.

Trong thời gian niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ 20 ngày (03/6/2010 đến ngày 23/6/2010), Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã tiếp nhận ý kiến đóng góp của các hộ gia đình trong đó có hộ ông Trương Đình C có kiến nghị về đo đạc diện tích đất bị thiếu (diện tích đất khi niêm yết là 151,6m²).

Sau khi nhận được ý kiến trên thì Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với đơn vị đo đạc (Công ty TNHH địa chính Hòa Phát) và hộ ông C tiến hành đo đạc lại. Căn cứ theo kết quả đo đạc của đơn vị đo đạc thì hộ ông C đã thống nhất kết quả đo đạc theo hiện trạng sử dụng là 152,4m² (theo giấy CNQSDĐ là 120,2m²) và đồng ý ký vào trích lục đất thu hồi.

Trên cơ sở số liệu đo đạc thực tế của các hộ, ngày 04/8/2010 UBND thành phố ban hành Quyết định số 1292/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 1704/QĐ-UBND. Theo đó UBND thành phố đã điều chỉnh lại diện tích thu hồi của hộ ông C là 152,4m²

Hiện nay UBND thành phố đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông C theo đúng hiện trạng sử dụng đất. Vì vậy việc gia đình ông C đề nghị bồi thường bổ sung phần diện tích 8,71m² là không có cơ sở giải quyết.

** Về việc ông C đề nghị không khấu trừ tiền khen thưởng di chuyển đúng tiến độ 5.000.000đồng.*

Trong quá trình triển khai dự án, chính quyền địa phương đã nhiều lần vận động nhưng hộ gia đình ông C vẫn không thống nhất bàn giao mặt bằng nên ngày 21/2/2011 UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 29/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trương Đình C.

Ngày 09/3/2011 hộ ông C mới thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 760.000.000đồng và bàn giao mặt bằng.

Ngày 21/4/2011 UBND thành phố ban hành Quyết định số 1196/QĐ-UBND về việc khen thưởng cho các hộ gia đình, cá nhân gương mẫu trong công tác di dời và bàn giao mặt bằng dự án mở rộng Công viên Đường L. Theo đó thì hộ ông C không được khen thưởng di chuyển đúng tiến độ.

Vì vậy việc gia đình ông C đề nghị không khấu trừ tiền khen thưởng di chuyển đúng tiến độ 5.000.000đồng là không có cơ sở.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Tr trình bày:*

Thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đình C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2021/HC-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1,2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 116, điểm b khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 2 Điều 193, 204, 206 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng khoản 1 Điều 38, Điều 39, khoản 1 Điều 43, Điều 44, Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 66, 69 Luật đất đai 2013, Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thi hành về đất đai. Điều 47, 53 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đình C về việc:

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi ban hành quyết định mới về việc phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường căn nhà 11B Đường L thay thế Quyết định 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 đã bị hủy bỏ 1 phần theo Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lần 2 căn nhà 11B Đường L.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện khởi kiện của ông Trương Đình C về việc:

- Hủy bỏ 1 phần Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND thành phố P v/v phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Trương Đình C, địa chỉ: 48 Đường N thuộc dự án Mở rộng công viên Đường L.

- Buộc UBND thành phố P giải quyết bồi thường bổ sung diện tích đất 8,771m² phần trước sân theo đúng diện tích đất thực tế của căn nhà 11B Đường L.

- Buộc UBND thành phố P chi trả 5.000.000 đồng tiền di dời bàn giao mặt bằng đúng tiến độ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Kháng cáo:

Ngày 31/12/2021, ông Trương Đình C nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng

chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Đình C giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: phần đất diện tích 8,771m² là khoảng sân được ông C sử dụng làm lối đi vào nhà từ trước năm 1975. Việc Ủy ban nhân dân thành phố P chỉ giải quyết bồi thường 152,4 m² mà không bồi thường diện tích phần sân trước nhà đối với gia đình ông C là thiếu sót chưa đúng với thực tế sử dụng đất của ông C. Toàn bộ diện tích đất nhà ông C được sử dụng đất trước 1975, có giấy tờ qui định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai 2003, được Ủy ban nhân dân phường T1 xác nhận không tranh chấp. Do đó, toàn bộ đất của hộ gia đình ông C thực tế sử dụng (gồm phần sân trước nhà và vườn phía sau) mặc nhiên phải được công nhận theo hiện trạng đang sử dụng, công nhận là đất ở đô thị, khi thu hồi đất phải bồi thường. Căn cứ pháp luật để chấp nhận yêu cầu của ông C là qui định tại khoản 1, 2 Điều 50, khoản 1 Điều 84, Điều 87 Luật Đất đai 2003, Điều 3 Quyết định số 148/2006/QĐ-UB ngày 29/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai qui định về hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh là 400m²/hộ.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố P không chi trả 5.000.000đ tiền khen thưởng di chuyển đúng tiến độ là không thỏa đáng vì việc chậm giao đất, mặt bằng hoàn toàn không phải lỗi của gia đình ông C mà do Ủy ban nhân dân thành phố P giải quyết sai nên gia đình ông C có kiến nghị nhưng không được ghi nhận, giải quyết kịp thời.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cho rằng phần đất diện tích 8,771m² là đất công, mặc dù gia đình ông C sử dụng làm lối đi vào nhà nhưng không được công nhận quyền sử dụng đất nên không được bồi thường. Việc không chi trả 5.000.000đ tiền khen thưởng di chuyển đúng tiến độ là đúng vì hộ gia đình ông C chậm giao đất, mặt bằng theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố P đã bồi thường 152,4m², tăng 32,28m² so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất diện tích 8,771m² là đất lộ giới, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có cơ sở bồi thường. Về số tiền thưởng tiến độ 5.000.000đ, hộ gia đình ông C bị cưỡng chế giao mặt bằng nên không có cơ sở chi trả số tiền này. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nhà đất ông C, bà Tr đang sử dụng có nguồn gốc mua của ông

Hiệu, bà Công theo hợp đồng mua bán nhà ở ngày 12/01/1998, diện tích đất nhận chuyển nhượng là $74,12\text{m}^2$ (Giấy chứng nhận sở hữu nhà quyền sử dụng đất ngày 02/01/1993 cấp cho ông Hiệu, bà Công). Ngày 20/11/2007, ông C, bà Tr được Ủy ban nhân dân thành phố P công nhận thêm 46m^2 , thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/11/2007).

[2] Như vậy, theo các giấy tờ hợp pháp, tổng diện tích đất được công nhận cho ông C, bà Tr là $74,12\text{m}^2 + 46\text{m}^2 = 120,12\text{m}^2$. Gia đình ông C được bồi thường với diện tích đất theo hiện trạng sử dụng là $152,4\text{m}^2$, nhiều hơn so với diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $32,28\text{m}^2$. Diện tích đất theo hiện trạng sử dụng là $152,4\text{m}^2$ được xác định tại Biên bản kiểm tra, kiểm kê tại hiện trường về đất và tài sản trên đất thu hồi của hộ gia đình, cá nhân ngày 09/4/2010, được ông C bà Tr thừa nhận và đồng ý ký.

[3] Đối với phần diện tích $8,771\text{m}^2$ là diện tích đất nằm phía trước nhà ông C, mặc dù hộ ông C sử dụng diện tích đất này làm lối đi vào nhà nhưng phần diện tích đất này nằm ngoài giấy chứng nhận, chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 03/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố P ghi diện tích thu hồi là $175,6\text{m}^2$ nhưng có ghi chú: *“Do chưa kiểm tra kiểm kê nên diện tích thu hồi có thể chênh lệch so với diện tích thực tế đang sử dụng”*. Diện tích đất bồi thường được xác định trên cơ sở đất thực tế sử dụng hợp pháp. Hộ ông C đã thống nhất kết quả đo đạc theo hiện trạng sử dụng là $152,4\text{m}^2$ (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $120,12\text{m}^2$) và đồng ý ký vào trích lục đất thu hồi. Tại Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 04/8/2020, UBND thành phố P điều chỉnh diện tích đất thu hồi theo Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 03/9/2009, xác định thu hồi đất của hộ ông C, bà Tr diện tích $152,4\text{m}^2$. Đơn xin xác minh nguồn gốc đất và biên bản xác nhận không tranh chấp với các hộ lân cận ngày 25/4/2011 không phải là căn cứ xác định phần đất này phải được bồi thường. Do đó, UBND thành phố P không bồi thường đối với phần diện tích $8,771\text{m}^2$ là có căn cứ.

[4] Các qui định pháp luật mà người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Đình C viện dẫn gồm khoản 1, 2 Điều 50; khoản 1 Điều 84, Điều 87 Luật Đất đai 2003; Điều 3 Quyết định số 148/2006/QĐ-UB ngày 29/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai qui định về hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh được áp dụng khi xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không áp dụng để bồi thường khi thu hồi đất. Các qui định tại Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ và Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ qui định về qui hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ tái định cư được áp dụng để bồi thường khi thu hồi đất.

[5] Về yêu cầu được nhận 5.000.000đồng tiền khen thưởng về việc di chuyển đúng tiến độ: Ủy ban nhân dân thành phố P yêu cầu việc bàn giao đất để triển khai dự án, chậm nhất đến 30/6/2010. Tại Biên bản làm việc ngày 23/10/2010 và ngày 30/12/2010 thể hiện hộ ông C, bà Tr không đồng ý với

phương án bồi thường về giá trị đất, chế độ chính sách hỗ trợ và khen thưởng. Ngày 21/2/2011, UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 29/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trương Đình C. Ngày 09/3/2011, hộ ông C mới thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 760.000.000đ và bàn giao mặt bằng. Như vậy, hộ gia đình ông C, bà Tr không thuộc trường hợp di chuyển đúng tiến độ nên không được nhận 5.000.000đ tiền khen thưởng về việc di chuyển đúng tiến độ là có cơ sở.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo và ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của ông C.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Đình C.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2021/HC-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Trương Đình C phải chịu 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0000083 ngày 10/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVÀ, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự